



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm – Ban đảm bảo chất lượng**
Laboratory: Laboratory – Quality Assurance Department

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Chi nhánh Công ty Cổ phần sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Lam Sơn**
*Organization: Branch of Vietnam Dairy Productions Joint Stock Company –
Lam Son Dairy Factory*

Số hiệu/ Code: **VILAS 963**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa, sinh**
Field: Chemical, Biological

Người quản lý: **Nguyễn Thị Trang**
Laboratory manager: Nguyen Thi Trang

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /11/2025 đến ngày 04/12/2030**

Địa chỉ: **KCN Lễ Môn, Phường Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam**
Address: Le Mon Industrial Zone, Quang Phu Ward, Thanh Hoa Province, Viet Nam

Địa điểm: **KCN Lễ Môn, Phường Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam**
Location: Le Mon Industrial Zone, Quang Phu Ward, Thanh Hoa Province, Viet Nam

Điện thoại/ Tel: **02373 912 540**

Email: **nttrang2@vinamilk.com.vn**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 963****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa****Field of testing: Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng. (nếu có) /Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Sữa dạng lỏng <i>Liquid milk</i>	Xác định hàm lượng chất khô tổng số Phương pháp chuẩn <i>Determination of total solids content</i> Reference method	(8 ~ 25) %	TCVN 8082:2013 (ISO 6731:2010)
2.	Sữa chua <i>Yoghurt</i>	Xác định hàm lượng chất khô tổng số Phương pháp chuẩn <i>Determination of total solids content</i> Reference method	(15 ~ 30) %	TCVN 8176:2009 (ISO 13580:2005)
3.	Sữa dạng lỏng, sữa chua <i>Liquid milk, yoghurt</i>	Xác định hàm lượng chất béo Phương pháp khối lượng <i>Determination of fat content Gravimetric method</i>	Đến/to: 5,3 %	TCVN 6508:2011
4.	Sữa dạng lỏng, sữa chua, các sản phẩm sữa dạng bột <i>Liquid milk yoghurt, powder milk products</i>	Xác định hàm lượng Nito Phương pháp Kjeldahl <i>Determination of Nitrogen content</i> Kjeldahl method	(0,1 ~ 85) %	TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014)

Ghi chú /Note:

- TCVN: tiêu chuẩn Việt Nam
- ISO: International Organization for Standardization

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 963

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Các sản phẩm sữa dạng bột, sữa dạng lỏng Powder milk products, liquid milk	Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of microorganisms Colony count technique at 30°C</i>		TCVN 4884-1:2015 ISO 4833-1:2013/ Amd1 2022
2.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indol β -glucuronid <i>Enumeration of β-glucuronidase positive Escherichia coli Colony count technique at 44°C using 5-bromo-4-chloro-3-indolyl β-glucuronide</i>		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
3.		Định lượng Enterobacteriaceae Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Enterobacteriaceae Colony-count technique</i>		ISO 21528:2-2017
4.		Định lượng đơn vị hình thành khuẩn lạc từ nấm men và/hoặc nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 25°C <i>Enumeration of colony forming units of yeasts and/or moulds Colony-count technique at 25°C</i>		TCVN 6265:2007 (ISO 6611:2004)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 963

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
5.	Các sản phẩm sữa dạng bột, sữa dạng lỏng Powder milk products, liquid milk	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. <i>Detection of Salmonella spp.</i>	eLOD50: 1,3 CFU/25 (g, mL)	TCVN 10780-1:2017 ISO 6579-1:2017 Amd1:2020
6.		Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of coliforms Colony count technique</i>		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
7.		Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird - Parker <i>Enumeration of coagulase positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species) Method using Baird-Parker agar medium</i>		ISO 6888-1:2021 Amd1:2023

Ghi chú /Note:

- TCVN: tiêu chuẩn Việt Nam
- ISO: International Organization for Standardization
- Amd: bản bổ sung/Amendment

Trường hợp Chi nhánh Công ty Cổ phần sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Lam Sơn cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Chi nhánh Công ty Cổ phần sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Lam Sơn phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Branch of Vietnam Dairy Productions Joint Stock Company - Lam Son Dairy Factory that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

